

CÔNG TY TNHH VICAWOOD
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VICAWOOD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VICAWOOD COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110395706

3. Ngày thành lập: 22/06/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 240 Đường 72 Tổ Dân Phố Trung Bình, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 33656544

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
3.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
6.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
7.	Bán buôn thực phẩm	4632
8.	Bán buôn đồ uống	4633
9.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
11.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
12.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
15.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đầu giá và hoạt động nhà nước cấm)	4669
16.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh	8299
18.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm: - Dạy về tôn giáo;- Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể.)	8559
19.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
20.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
21.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính)	7020
22.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ hoạt động thám tử)	7320
23.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
24.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm: - Hoạt động của những nhà báo độc lập; - Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; - Tư vấn chứng khoán;)	7490
25.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm)	7710
26.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đầu giá)	4690
27.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
28.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

29.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
30.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
31.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
32.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
33.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
34.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
35.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
36.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
37.	In ấn (Trừ loại nhà nước cấm)	1811
38.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ loại nhà nước cấm)	1812
39.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
40.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
41.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
42.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Không bao gồm: -Hoạt động của đấu giá viên,-Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao;-Bán lẻ tem và tiền kim khí;)	4789
43.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)	4791
44.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá)	4799
45.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
46.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô	4932
47.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm)	4933
48.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
49.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
50.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm)	7730
51.	Đại lý du lịch	7911
52.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế	7912
53.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
54.	Xây dựng nhà để ở	4101

55.	Xây dựng nhà không để ở	4102
56.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
57.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
58.	Xây dựng công trình điện	4221
59.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
60.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
61.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
62.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
63.	Phá dỡ Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	4311
64.	Chuẩn bị mặt bằng Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	4312
65.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
66.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
67.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
68.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
69.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
70.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
71.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
72.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem, và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	Việt Nam	Đội 4, Thôn Phú La, Xã Hợp Tiến, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	15.000.000.000	50,000	001091057240	

2	NGUYỄN XUÂN SƠN	Việt Nam	Số 9 Ngõ 148 Thanh Bình, Tổ dân phố 10, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	9.000.000.000	30,000	001078005809	
3	TRINH HÀ TRANG	Việt Nam	Số 69 Ngách 72/1 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.000.000.000	10,000	015188003104	
4	NGUYỄN HOÀNG VƯƠNG	Việt Nam	Thôn Thạch, Xã Thạch Xá, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.000.000.000	10,000	001084068112	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TẠ QUANG THÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/04/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001077004902

Ngày cấp: 24/06/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Đa Phúc, Xã Sài Sơn, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đa Phúc, Xã Sài Sơn, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội